

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

---

**Hà Nội, Tháng 03 năm 2024**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM**

Tầng 6 Tòa nhà Việt Á, số 9 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

## **MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 36

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM

Tầng 6 Tòa nhà Việt Á, số 9 Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101914063 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/4/2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 22/9/2023.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 22/9/2023: 130.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi tỷ đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VIETNAM MINERAL RESOURCES AND METALLURGY JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là MIREX., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 6 Tòa nhà Việt Á, số 9 Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Xuân Liêu	Chủ tịch HĐQT (Thôi nhiệm ngày 09/3/2023)
Ông Lê Xuân Trung	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 24/4/2023)
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Thành viên HĐQT (Thôi nhiệm ngày 09/3/2023)
Bà Lê Cẩm Tú	Thành viên HĐQT (Thôi nhiệm ngày 09/3/2023)
Ông Lại Văn Quyền	Thành viên HĐQT (Thôi nhiệm ngày 09/3/2023)
Ông Nguyễn Văn Việt	Thành viên HĐQT (Thôi nhiệm ngày 09/3/2023)
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên HĐQT (Thôi nhiệm ngày 09/3/2023)
Ông Trần Phương	Thành viên HĐQT (Thôi nhiệm ngày 09/3/2023)
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Thành viên HĐQT (Bầu ngày 09/3/2023)
Ông Nguyễn Thiện Thông	Thành viên HĐQT (Bầu ngày 09/3/2023)
Bà Nguyễn Thanh Ngọc	Thành viên HĐQT (Bầu ngày 09/3/2023)
Ông Nguyễn Cảnh Hoàng	Thành viên HĐQT (Bầu ngày 09/3/2023)

#### Ban Kiểm soát

Bà Lê Cẩm Tú	Trưởng Ban kiểm soát (Bầu ngày 09/3/2023)
Ông Ngô Văn Tuấn	Thành viên (Bầu ngày 09/3/2023)
Ông Nguyễn Xuân Định	Thành viên (Bầu ngày 09/3/2023)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Liêu	Tổng Giám đốc (Thôi nhiệm ngày 09/3/2023)
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/9/2023)
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc (Thôi nhiệm ngày 09/3/2023)

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM

Tầng 6 Tòa nhà Việt Á, số 9 Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 kèm theo.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Xuân Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Số: 142/2024/BCKT-CPA VIETNAM-NV3

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam được lập ngày 29/3/2024 từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán viên cho Công ty. Các thủ tục kiểm toán thay thế khác cũng không thể giúp chúng tôi thu thập được bằng chứng về tính hiện hữu, đúng đắn của hàng tồn kho đang được trình bày theo giá gốc tại ngày 31/12/2023 là 66.329.823.658 đồng (tại ngày 01/01/2023 với giá trị là: 59.186.018.536 đồng). Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về tính đúng đắn của hàng tồn kho tại ngày 31/12/2023 cũng như không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng tin cậy liên quan đến số dư khoản phải trả người bán không biến động trong nhiều năm tài chính với giá trị ghi sổ tại 31/12/2023 là: 97.599.284.731 đồng (tại 01/01/2023 với giá trị là 105.652.635.474 đồng). Các thủ tục kiểm toán khác cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng về tính hiện hữu, đúng đắn, đầy đủ và khả năng trả nợ của các khoản nợ này tại thời điểm nêu trên. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của các khoản phải trả này đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 8.2 Thông tin so sánh trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số dư khoản vay và nợ dài hạn (Mã số 338) trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 sang chỉ tiêu vay và nợ ngắn hạn (Mã số 320) do khoản vay đã quá hạn thanh toán.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4: Giả định về hoạt động liên tục: Tại ngày 31/12/2023, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền: 1.178,3 tỷ đồng, nợ phải trả vượt quá tổng tài sản là 776,6 tỷ đồng. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền là 94,4 tỷ đồng. Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 921,2 tỷ đồng, dẫn đến thâm hụt vốn chủ sở hữu 784,4 tỷ đồng. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào hiệu quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính tiếp theo, khả năng gia hạn các khoản vay cá nhân, vay Ngân hàng PVcomBank và các nhà cung cấp. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng vấn đề này.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 10/5/2023 đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 do ảnh hưởng của các vấn đề sau:

- Kiểm toán viên không thể đưa ra ý kiến về tính đúng đắn của khoản mục hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2022 với giá trị được ghi nhận trên Bảng Cân đối kế toán là 59.186.018.536 đồng. Vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.
- Kiểm toán viên không thu thập được bằng chứng thích hợp về giá trị ghi sổ của một số khoản nợ phải trả người bán tại ngày 31/12/2022 với giá trị: 105.652.635.474 đồng. Vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.
- Kiểm toán viên chưa được cung cấp hồ sơ về việc sử dụng một phần nguyên vật liệu của dự án “Sản xuất thử nghiệm Hoàn thiện dây chuyền công nghệ và thiết bị sản xuất 3 loại sắt xốp đáp ứng yêu cầu công nghiệp luyện kim, thay thế nguyên liệu nhập khẩu và phục vụ xuất khẩu” để tiếp tục triển khai Đề tài nghiên cứu Khoa học công nghệ “Nghiên cứu sản xuất sắt xốp, bột sắt trên hệ thống lò SK-BT sử dụng nhiên liệu Biomass và Ứng dụng bột sắt trong tuyển đồng, bột tỷ trọng cao, bảo quản thực phẩm” theo Quyết định số 05/QĐ-MIREX. Vấn đề này không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

- Ngày 04/01/2022, Công ty thực hiện hủy tài sản cố định có nguyên giá 5.366.232.612 đồng, giá trị còn lại 998.303.536 đồng. Kiểm toán viên chưa được cung cấp hồ sơ liên quan đến phế liệu thu hồi từ việc hủy tài sản cố định này nên không đưa ý kiến về khoản mục này và ảnh hưởng của nó đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Vấn đề này không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.



A blue ink signature, likely belonging to Lưu Anh Tuấn, written in a cursive style.

---

**Bùi Thị Thúy**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2023-137-1

Giấy ủy quyền số: 04/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

---

**Lưu Anh Tuấn**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026-2024-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>78.267.056.107</b>	<b>73.589.082.295</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>191.735.125</b>	<b>442.764.356</b>
1. Tiền	111		191.735.125	442.764.356
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>10.762.726.115</b>	<b>12.318.190.977</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	6.709.676.221	2.602.696.283
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.045.445.981	2.916.425.481
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	4.698.379.169	8.489.844.469
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(1.690.775.256)	(1.690.775.256)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>66.329.823.658</b>	<b>59.186.018.536</b>
1. Hàng tồn kho	141		66.329.823.658	59.186.018.536
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>982.771.209</b>	<b>1.642.108.426</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	81.625.000	202.450.585
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		856.948.397	1.395.460.029
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	44.197.812	44.197.812
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210 + 220 + 230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>411.702.800.541</b>	<b>447.550.997.381</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>388.100.552.584</b>	<b>424.410.363.655</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	388.100.552.584	424.410.363.655
<i>Nguyên giá</i>	222		834.100.380.664	833.282.198.845
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(445.999.828.080)	(408.871.835.190)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		988.985.585	988.985.585
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(988.985.585)	(988.985.585)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>21.362.638.777</b>	<b>20.603.373.992</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	21.362.638.777	20.603.373.992
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>391.660.000</b>	<b>391.660.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.11	391.660.000	391.660.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.847.949.180</b>	<b>2.145.599.734</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	1.847.949.180	2.145.599.734
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>489.969.856.648</b>	<b>521.140.079.676</b>



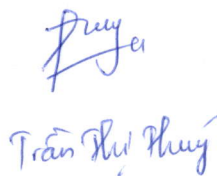
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.266.618.723.912</b>	<b>1.202.875.233.229</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.256.618.723.912</b>	<b>1.192.875.233.229</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	132.875.392.314	121.393.941.539
2. Người mua trả tiền trước	312	5.13	7.195.650	7.195.650
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	670.875.999	1.622.452.920
4. Phải trả người lao động	314		19.302.640.950	19.206.640.950
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	477.278.457.455	431.357.084.063
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	626.484.161.544	619.287.918.107
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	-	-
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 =410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>(776.648.867.264)</b>	<b>(681.735.153.553)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>(784.435.296.550)</b>	<b>(690.397.107.300)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		130.000.000.000	130.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.817.050.713	6.817.050.713
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(921.252.347.263)	(827.214.158.013)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(827.214.158.013)	(731.995.637.506)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(94.038.189.250)	(95.218.520.507)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>7.786.429.286</b>	<b>8.661.953.747</b>
1. Nguồn kinh phí	431		1.517.256.088	1.517.256.088
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		6.269.173.198	7.144.697.659
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>489.969.856.648</b>	<b>521.140.079.676</b>
<b>(440 = 300 + 400)</b>				

Người lập

  
Nguyễn Thị Hồng

Kế toán trưởng

  
Trần Thị Thuý

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

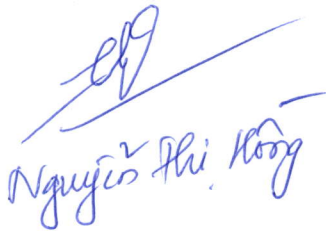
Tổng Giám đốc

  
Nguyễn Xuân Dũng

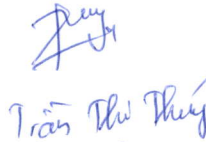
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	21.457.018.987	9.514.143.342
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>21.457.018.987</b>	<b>9.514.143.342</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	57.816.103.352	52.073.991.290
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>(36.359.084.365)</b>	<b>(42.559.847.948)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.294.995	72.133
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	6.4	51.123.767.258	50.554.122.262
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		42.474.023.821	38.448.355.270
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	2.738.529.438	1.443.695.881
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>(90.214.086.066)</b>	<b>(94.557.593.958)</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	6.046.070.132	366.660.639
12. Chi phí khác	32	6.6	10.263.322.346	1.027.587.188
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>6.6</b>	<b>(4.217.252.214)</b>	<b>(660.926.549)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(94.431.338.280)</b>	<b>(95.218.520.507)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(94.431.338.280)</b>	<b>(95.218.520.507)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(7.264)	(8.784)

Người lập

  
Nguyễn Thị Hồng

Kế toán trưởng

  
Trần Thu Thủy

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc

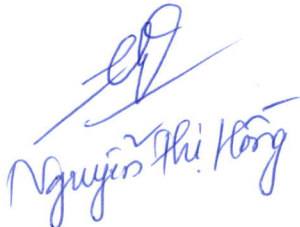


Nguyễn Xuân Dũng

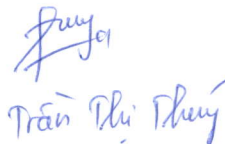
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chi tiêu	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		14.828.668.061	6.771.988.675
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(7.583.561.083)	(7.201.249.096)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.477.600.000)	(657.600.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(48.291.666)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.646.620.178	6.765.903.961
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(6.250.659.716)	(5.490.618.329)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.115.175.774</b>	<b>188.425.211</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		-	(1.299.400.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.294.995	72.133
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>7.294.995</b>	<b>(1.299.327.867)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	21.604.880.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.614.900.000	2.576.738.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.988.400.000)	(22.686.368.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.373.500.000)</b>	<b>1.495.250.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(251.029.231)</b>	<b>384.347.344</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>442.764.356</b>	<b>58.417.012</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>5.1</b>		<b>191.735.125</b>	<b>442.764.356</b>

Người lập

  
Nguyễn Thị Hồng

Kế toán trưởng

  
Trần Thị Thuý

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



  
Nguyễn Xuân Dũng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101914063 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/4/2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 22/9/2023.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 22/9/2023: 130.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi tỷ đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VIETNAM MINERAL RESOURCES AND METALLURGY JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là MIREX.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 6 Tòa nhà Việt Á, số 9 Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động tại ngày 31/12/2023 là 28 người (tại ngày 31/12/2022 là 22 người).

**1.2 Ngành nghề hoạt động kinh doanh**

- Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt, thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng);
- Buôn bán vật liệu lắp đặt khác trong xây dựng;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Khai thác đất, đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bốc xếp àng hóa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học công nghệ tự nhiên; Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội;
- ...

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Khai thác, chế biến và kinh doanh quặng sắt, bột sắt; gia công cơ khí.

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Từ năm 2014 đến nay, đây chuyên sản xuất chính (lò hoàn nguyên công suất 100.000 tấn/năm) không hoạt động do không có đủ quặng để duy trì sản xuất liên tục. Giai đoạn 2014 – 2021, các hoạt động của Công ty Mirex tập trung vào dự án khoa học công nghệ cấp quốc gia “Hoàn thiện công nghệ sản xuất sắt xộp và nghiên cứu sử dụng sắt xộp để luyện một số thép hợp kim phục vụ Kinh tế và Quốc phòng”. Giai đoạn 2021-2022, Công ty Mirex đã xin được cấp phép khai thác mỏ sắt Bản Luộc và tiến hành các thủ tục pháp lý để được khai thác (GPMB, Diện tích mỏ, Xây dựng và nghiệm thu môi trường các công trình trong Mỏ...). Trong giai đoạn này, các sản phẩm khoa học công nghệ cũng được thử nghiệm trong Công nghiệp Quốc phòng (như phôi đúc làm đạn cối vỏ thép); thử nghiệm trên thị trường dân sinh (như bột sắt dùng làm chất hút Oxy phục vụ bảo quản thực phẩm).

Năm 2023, các sản phẩm đã có chỗ đứng trên thị trường (đặc biệt một số sản phẩm độc quyền), đã có các đơn hàng ổn định hàng tháng (trong đó có từ CNQP). Từ tháng 3/2023, Mỏ sắt Bản Luộc được chính thức đi vào khai thác. Tuy nhiên do đặc điểm của Mỏ khó khai thác, nên công suất khai thác chỉ đạt ~ 40% công suất thiết kế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Do vấn đề thiếu nguyên liệu, nên Nhà máy chỉ vận hành được ở quy mô rất nhỏ (~ 1% công suất thiết kế), trong khi Công ty phải trích khấu hao đối với toàn bộ tài sản đã đầu tư (trong đó có nhiều thiết bị không hoạt động hoặc hoạt động ở công suất tối thiểu), chi trả các chi phí bảo dưỡng thiết bị, trả một phần lãi vay.v.v. Năm 2023 so với các năm trước, doanh thu từ sản xuất kinh doanh đã có sự tăng trưởng rõ rệt, tuy nhiên vẫn chưa thể bù đắp các chi phí cố định trên. Việc này dẫn đến hoạt động kinh doanh của Công ty bị lỗ. Tuy vậy, Công ty vẫn tiếp tục duy trì sản xuất nhằm: (1) từng bước phát triển thị trường sản phẩm (mở rộng quy mô về số lượng và chủng loại sản phẩm); (2) sản xuất kết hợp bảo vệ, bảo dưỡng các thiết bị máy móc, đảm bảo khi có đủ nguyên liệu thì có thể sản xuất 100% công suất trong thời gian ngắn nhất; (3) tạo ưu thế trong việc xin cấp Mô quặng sắt; (4) có cơ sở để đàm phán dẫn nợ, tái cơ cấu các khoản nợ.

**1.5 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có đơn vị phụ thuộc như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện Kim Việt Nam tại Cao Bằng (Nhà máy). Địa chỉ Chi nhánh: Bản Tấn, xã Hoàng Tung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện Kim Việt Nam tại Bắc Kạn. Địa chỉ Chi nhánh: Số 2, Ngõ 154, Đường Phùng Chí Kiên, Phường Phùng Chí Kiên, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn.

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**2 KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 31/12/2023, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền: 1.178,3 tỷ đồng, nợ phải trả vượt quá tổng tài sản là 776,6 tỷ đồng. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền là 94,4 tỷ đồng. Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 921.2 tỷ đồng, dẫn đến thâm hụt vốn chủ sở hữu 784,4 tỷ đồng.

Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay cá nhân, vay Ngân hàng PVcombank, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nhận biết được vấn đề này và đặt ra kế hoạch thực hiện các phương án gia hạn khoản vay Ngân hàng PVcombank (trước đây là Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam) liên quan đến dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thép và tiếp tục trao đổi với chủ nợ để gia hạn các khoản nợ tới hạn trả trong năm tiếp theo. Bên cạnh đó, các cổ đông lớn vẫn đang tích cực hỗ trợ về mặt tài chính cho Công ty, do đó, vấn đề mất cân đối khả năng thanh toán tại ngày 31/12/2023 (nếu có) sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian tới.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch kinh doanh để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Công ty đã thực hiện các biện pháp tái cơ cấu tổ chức, cắt giảm các chi phí phù hợp với quy mô hoạt động.
- Tích cực phối hợp chặt chẽ với PVcomBank tìm phương án giải quyết nợ vay, lãi vay liên quan đến đầu tư XDCB nhà máy sản xuất sắt xộp, đảm bảo mục tiêu kép trả nợ vốn vay và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Công ty đàm phán gia hạn các khoản phải trả và nợ vay cá nhân khác đến hạn cũng như thực hiện chuyển đổi các khoản vay đến hạn thành vốn góp; Các cổ đông lớn cam kết sẽ hỗ trợ tài chính cho Công ty trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn của các nhà cung cấp để Công ty đảm bảo có đủ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại bất kỳ thời điểm nào.
- Phấn đấu sản xuất kinh doanh có hiệu quả; làm thương hiệu và thị trường tốt, đưa Nhà máy vào chuỗi sản xuất Công nghiệp Quốc phòng và tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tìm kiếm hợp tác đầu tư sản xuất gang hoặc quặng vôi viên nhằm tận dụng tối đa nguồn quặng và hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư.
- Xin thăm dò, khai thác mỏ mới tại Cao Bằng và Bắc Kạn; mở rộng, xây dựng Nhà máy sắt xộp và đúc thép đặc biệt phục vụ Công nghiệp Quốc phòng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế thu – chi.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư khác:**

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03- 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 06

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	<b>Số năm</b>
Quyền sử dụng đất	20
Phần mềm kế toán	04

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau.

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Chi phí sửa chữa tài sản và các chi phí chờ phân bổ khác**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn, chi phí chờ phân bổ khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 06-36 tháng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí khác: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức phải trả cho cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi Đại hội cổ đông quyết định.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm là quặng thành phẩm và các hàng hóa, thiết bị khác.

***Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

***Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm (tiếp theo)***

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế;
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là khai thác bán khoáng sản, hoạt động cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa chiếm tỷ trọng nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	931.289	57.014.340
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	190.803.836	385.750.016
<b>Tổng</b>	<b>191.735.125</b>	<b>442.764.356</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.2 Phải thu khách hàng**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Xây dựng Quỳnh Dương	347.000.000	347.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim CBL	380.753.600	380.753.600
Công ty TNHH MTV Xây dựng 99	531.679.750	550.068.750
Công ty CP Đầu tư và Phát triển vật liệu mới công nghệ mới VSD	706.044.354	658.559.986
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Phương Tân	4.139.699.570	-
Các đối tượng khác	604.498.947	666.313.947
<b>Tổng</b>	<b>6.709.676.221</b>	<b>2.602.696.283</b>
<i>Trong đó: Phải thu các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 8.1)</i>	<i>706.044.354</i>	<i>658.559.986</i>

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Liên đoàn địa chất Đông Bắc	-	1.733.500.000
Công ty cổ phần ENCOPL Bằng Giang	115.083.000	136.702.500
Công ty TNHH Châu Nga	200.000.000	200.000.000
Công ty Đấu giá hợp Danh sao Việt	192.000.000	192.000.000
Trung Tâm Quan Trắc và Phân	174.050.800	
Tích môi trường tỉnh Cao Bằng		
Các đối tượng khác	364.312.181	654.222.981
<b>Tổng</b>	<b>1.045.445.981</b>	<b>2.916.425.481</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	322.397.805	(17.085.850)	321.866.406	(17.085.850)
Ký quỹ, ký cược	815.483.755	-	599.904.755	-
Ban QLDA Khoa học Công nghệ	2.282.691.895	-	2.282.691.895	-
Ông Trần Ngọc Khải	950.000.000	(950.000.000)	950.000.000	(950.000.000)
Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Liên Hiệp	67.522.194	-	4.038.456.499	-
Phải thu khác	260.283.520	-	296.924.914	-
<b>Tổng</b>	<b>4.698.379.169</b>	<b>(967.085.850)</b>	<b>8.489.844.469</b>	<b>(967.085.850)</b>
<i>Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 8.1)</i>	<i>141.539.125</i>	<i>-</i>	<i>141.539.125</i>	<i>-</i>

**5.5 Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	1.690.775.256	-	1.690.775.256	-
<b>Chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi</b>	<b>31/12/2023</b>		<b>01/01/2023</b>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xây dựng Quỳnh Dương	347.000.000	(347.000.000)	347.000.000	(347.000.000)
DN tư nhân Hải Yến	146.409.386	(146.409.386)	146.409.386	(146.409.386)
Công ty Cổ phần Thép Kim Sinh Việt	82.291.497	(82.291.497)	82.291.497	(82.291.497)
Nguyễn Văn Thắng	17.085.850	(17.085.850)	17.085.850	(17.085.850)
Trần Ngọc Khải	950.000.000	(950.000.000)	950.000.000	(950.000.000)
Các đối tượng khác	147.988.523	(147.988.523)	147.988.523	(147.988.523)
<b>Tổng</b>	<b>1.690.775.256</b>	<b>(1.690.775.256)</b>	<b>1.690.775.256</b>	<b>(1.690.775.256)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN  
VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM**

Tầng 6 Tòa nhà Việt Á, Số 9 Duy Tân, Phường  
Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.6 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	1.998.099.429	-	786.480.754	-
Công cụ, dụng cụ	13.529.673	-	14.317.284	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.060.706.452	-	8.141.366.005	-
Thành phẩm	62.257.488.104	-	50.243.854.493	-
<b>Tổng</b>	<b>66.329.823.658</b>	<b>-</b>	<b>59.186.018.536</b>	<b>-</b>

**5.7 Chi phí trả trước**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>81.625.000</b>	<b>202.450.585</b>
Công cụ dụng cụ	81.625.000	202.450.585
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.847.949.180</b>	<b>2.145.599.734</b>
Quyền khai thác khoáng sản	761.139.942	1.014.853.267
Đền bù giải phóng mặt bằng	648.022.028	855.746.467
Chi phí sửa chữa lò Vim	301.287.210	-
Chi phí khác	137.500.000	275.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.929.574.180</b>	<b>2.348.050.319</b>

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư ngày 01/01/2023	253.189.386.985	554.236.045.072	23.701.119.323	2.155.647.465	833.282.198.845
Mua trong năm	-	818.181.819	-	-	818.181.819
Số dư ngày 31/12/2023	253.189.386.985	555.054.226.891	23.701.119.323	2.155.647.465	834.100.380.664
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
Số dư ngày 01/01/2023	96.281.845.525	286.859.704.309	23.574.637.891	2.155.647.465	408.871.835.190
Khấu hao trong năm	10.014.247.249	26.987.264.223	126.481.418	-	37.127.992.890
Số dư ngày 31/12/2023	106.296.092.774	313.846.968.532	23.701.119.309	2.155.647.465	445.999.828.080
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2023	156.940.874.793	267.376.340.763	126.481.432	-	424.410.363.655
Tại ngày 31/12/2023	146.893.294.211	241.207.258.359	14	-	388.100.552.584

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 25.890.100.107 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN  
VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM**

Tầng 6 Tòa nhà Việt Á, Số 9 Duy Tân, Phường  
Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Phần mềm	Trang web	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư ngày 01/01/2023	717.666.792	271.318.793	988.985.585
Tăng trong năm	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2023	717.666.792	271.318.793	988.985.585
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số dư ngày 01/01/2023	717.666.792	271.318.793	988.985.585
Số dư ngày 31/12/2023	717.666.792	271.318.793	988.985.585
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư ngày 01/01/2023	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2023	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 988.985.585 đồng (tại ngày 31/12/2022: 988.985.585 đồng).

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Lò luyện tinh Nhà máy thép giai đoạn 2 (i)	11.069.141.669	11.069.141.669	11.069.141.669	11.069.141.669
Mỏ sắt Ngừm Cháng, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng (ii)	-	-	8.669.209.000	8.669.209.000
Dự án mỏ Bàn Nùng, mỏ Lũng Viên (iii)	10.088.474.251	10.088.474.251	732.968.689	732.968.689
Các khoản khác	205.022.857	205.022.857	132.054.634	132.054.634
<b>Tổng</b>	<b>21.362.638.777</b>	<b>21.362.638.777</b>	<b>20.603.373.992</b>	<b>20.603.373.992</b>

(i) Thiết bị đầu tư cho Nhà máy luyện thép giai đoạn 2 trên cơ sở khai thác nguồn nguyên liệu các Mỏ tại Cao Bằng và Bắc Kạn.

(ii) Thanh lý tài sản đầu tư do đóng cửa Mỏ Ngừm Cháng theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

(iii) Các mỏ sắt đang trong quá trình giải phóng mặt bằng, thăm dò, đánh giá lại trữ lượng mỏ, xin cấp phép khai thác mới, hoàn thiện các thủ tục về diện tích mỏ, cắt tăng đưa Mỏ về trạng thái an toàn theo yêu cầu của UBND tỉnh Cao Bằng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN  
VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM**Tầng 6 Tòa nhà Việt Á, Số 9 Duy Tân, Phường  
Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 – DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.11 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Xây dựng Lũng Lô 9	391.660.000	-	(*)	391.660.000	-	(*)
<b>Tổng</b>	<b>391.660.000</b>	<b>-</b>		<b>391.660.000</b>	<b>-</b>	

Công ty Cổ phần Xây dựng Lũng Lô 9 (trước đây là Công ty Gốm sứ Bát Tràng) thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0101355915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26/02/2003. Địa chỉ đăng ký kinh doanh tại: Xóm 5, thôn Bát Tràng, xã Bát Tràng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Ngày 31/8/2023 Công ty Cổ phần Xây dựng Lũng Lô 9 đã trả cổ tức năm 2022 cho Mirex với số tiền: 6.733.500 đồng.

(\*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư, do cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết. Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trong trường hợp cổ phiếu chưa niêm yết. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**5.12 Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Nam Tiến Hà Khẩu Trung Quốc	87.333.507.230	87.333.507.230	87.333.507.230	87.333.507.230
Công ty Kunminh Trung Quốc	2.402.369.550	2.402.369.550	2.402.369.550	2.402.369.550
Công ty CP Dịch vụ vận tải Mirex	2.773.574.168	2.773.574.168	2.773.574.168	2.773.574.168
Doanh nghiệp tư nhân Anh Phương	1.783.674.062	1.783.674.062	1.783.674.062	1.783.674.062
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Anh Phương	903.586.209	903.586.209	903.586.209	903.586.209
Doanh nghiệp tư nhân Hữu Thành	1.263.834.275	1.263.834.275	1.263.834.275	1.263.834.275
Công ty Cổ phần SIC	13.143.184.526	13.143.184.526	13.143.184.526	13.143.184.526
Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Phương Tân	18.534.880.160	18.534.880.160	6.409.475.000	6.409.475.000
Các đối tượng khác	4.736.782.134	4.736.782.134	5.380.736.519	5.380.736.519
<b>Tổng</b>	<b>132.875.392.314</b>	<b>132.875.392.314</b>	<b>121.393.941.539</b>	<b>121.393.941.539</b>
<i>Phải trả người bán là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 8.1)</i>	<i>13.143.184.526</i>	<i>13.143.184.526</i>	<i>13.143.184.526</i>	<i>13.143.184.526</i>

Tổng giá trị các khoản nợ phải trả người bán không biến động, chưa có đối chiếu xác nhận số dư tại 31/12/2023 là: 97.599.284.731 đồng. Ban Tổng Giám đốc chưa đánh giá được khả năng thanh toán đối với các khoản phải trả người bán này.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.13 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.195.650</b>	<b>7.195.650</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hiệp Linh	7.195.650	7.195.650
<b>Tổng</b>	<b>7.195.650</b>	<b>7.195.650</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	Phải thu	Số phát sinh trong năm		Phải thu
	01/01/2023	Phải nộp	Đã nộp	31/12/2023
Thuế GTGT nội địa	44.197.812	-	-	44.197.812
<b>Tổng</b>	<b>44.197.812</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>44.197.812</b>
b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	Phải nộp	Số phát sinh trong năm		Phải nộp
	01/01/2023	Phải nộp	Đã nộp	31/12/2023
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	393.149.030	-	393.149.030	-
Thuế TNCN	734.231.279	14.130.000	734.231.279	14.130.000
Thuế tài nguyên	35.004.375	1.932.707.350	1.598.220.225	369.491.500
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	321.215.115	321.215.115	-
Thuế bảo vệ môi trường	34.575.750	1.360.844.096	1.108.165.347	287.254.499
Thuế Môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Các loại thuế khác	425.492.486	13.033.010	438.525.496	-
<b>Tổng</b>	<b>1.622.452.920</b>	<b>3.645.929.571</b>	<b>4.597.506.492</b>	<b>670.875.999</b>

(\*) Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp 393.149.030 đồng là khoản điều chỉnh cho số thuế đã ghi nhận chưa đúng với kết quả hoạt động kinh doanh các năm từ 2006 đến 2012 (các năm có kết quả hoạt động kinh doanh bị thua lỗ, thu nhập chịu thuế âm).

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN  
VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM**

Tầng 6 Tòa nhà Việt Á, Số 9 Duy Tân, Phường  
Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**Mẫu số B 09 – DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.15 Phải trả ngắn, dài hạn khác**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>477.278.457.455</b>	<b>431.357.084.063</b>
Kinh phí công đoàn	420.399.975	428.348.965
BHXX	7.379.845.835	7.729.845.835
BHYT	72.687.191	72.687.191
BHTN	103.115.449	103.115.449
Lãi vay phải trả Ngân hàng Pvccombank	393.885.904.415	352.167.251.670
Lãi vay cá nhân	9.006.136.397	7.720.360.092
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Thương mại Phương Tân {1}	38.267.184.888	31.253.316.667
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển vật liệu mới công nghệ mới VSD {2}	14.879.000.000	14.879.000.000
Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng	880.316.000	880.316.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Miex	2.000.000.000	2.000.000.000
Các khoản phải trả khác	10.383.867.305	14.122.842.194
<b>b) Dài hạn</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Liên Hiệp {3}	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>487.278.457.455</b>	<b>441.357.084.063</b>
<i>Trong đó: Phải trả với bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 8.1)</i>	<i>394.678.813.532</i>	<i>352.943.851.563</i>

{1} Hợp tác kinh doanh khai thác mỏ với Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Thương mại Phương Tân, gồm:

- Hợp tác khai thác chế biến quặng sắt mỏ Bản Luộc tại xã Thê Dục và Thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Lợi nhuận phân chia theo tỷ lệ thỏa thuận và giá quặng trên thị trường.
- Hợp tác đầu tư thực hiện dự án khai thác mỏ quặng sắt Lũng Viên tại huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Cạn (đang trong giai đoạn thăm dò trữ lượng và xin cấp Giấy phép khai thác). Lợi nhuận được phân chia theo tỷ lệ vốn góp 50/50.

{2} Hợp đồng hợp tác đầu tư nghiên cứu khoa học công nghệ để cùng đầu tư nghiên cứu hợp tác các dự án nghiên cứu khoa học theo đề tài, đóng góp bằng tiền, thiết bị, nguyên vật liệu. Phân chia quyền lợi: toàn bộ bằng phát minh, sáng chế, bản quyền tác giả được chứng nhận từ các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ được hai bên cùng sử dụng và khai thác trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa hai bên ở từng thời điểm cụ thể.

{3} Nhận đặt cọc tiền hàng theo hợp đồng gia công sản phẩm số 0109/2021/HĐGC/LH-MR ngày 01/9/2021 để thực hiện gia công sản xuất các sản phẩm: quặng sắt, sắt xộp, bột sắt, bột oxit sắt, phôi thép và thép công nghệ cao.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính**

	Số phát sinh trong năm				Số có khả năng trả nợ
	31/12/2023	Tăng	Giảm	Giá trị	
<i>Vay ngắn hạn</i>	<b>626.484.161.544</b>	<b>10.264.643.437</b>	<b>3.068.400.000</b>	<b>619.287.918.107</b>	<b>619.287.918.107</b>
Nguyễn Cảnh Hoàng {1}	15.683.393.997	-	7.500.000	15.690.893.997	15.690.893.997
Nguyễn Xuân Dũng {1}	3.380.804.349	1.614.900.000	1.773.900.000	3.539.804.349	3.539.804.349
Công ty Cổ phần SIC {1}	2.179.034.000	-	-	2.179.034.000	2.179.034.000
Nguyễn Đức Dũng {1}	4.383.625.000	-	-	4.383.625.000	4.383.625.000
Trần Văn Cảnh {2}	8.100.000.000	-	-	8.100.000.000	8.100.000.000
Các cá nhân khác {2}	25.280.802.237	-	1.207.000.000	26.487.802.237	26.487.802.237
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam {3}					
- Vay VND	264.050.969.597	-	80.000.000	264.130.969.597	264.130.969.597
- Vay USD (*)	303.425.532.364	8.649.743.437	-	294.775.788.927	294.775.788.927
<b>Tổng</b>	<b>626.484.161.544</b>	<b>10.264.643.437</b>	<b>3.068.400.000</b>	<b>619.287.918.107</b>	<b>619.287.918.107</b>

Đơn vị tính: VND

{1} Các hợp đồng đi vay với lãi suất 0%/năm. Thời gian vay không xác định, khi cần rút vốn, bên cho vay báo trước tối thiểu 10 ngày. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

{2} Các hợp đồng đi vay với lãi suất 3% - 10%/năm. Không có tài sản đảm bảo. Thời gian vay không xác định, khi cần rút vốn, bên cho vay báo trước tối thiểu 10 ngày. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM**

Tầng 6 Tòa nhà Việt Á, Số 9 Duy Tân, Phường

Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

{3} Khoản vay Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam) theo Hợp đồng tín dụng số 19/TDITT-TH/PVFC/08 ngày 04/4/2008.

- Số tiền vay: 336.500.000.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi nhập gốc trong thời gian ân hạn.

- Thời hạn vay: 60 tháng.

- Mục đích vay: Đầu tư Dự án sản xuất sắt xộp và phôi thép 100.000 tấn/năm tại xã Hoàng Tung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng và Dự án khai tuyển quặng sắt 200.000 tấn/năm tại xã Thê Dục, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản cố định hình thành từ 02 dự án đầu tư nêu trên

- Lãi suất vay: Kể từ ngày 26/12/2014 lãi suất cho vay áp dụng theo công thức Lãi suất tham chiếu +5,75%/năm đối với khoản vay bằng VND và +2%/năm đối với khoản vay bằng Đô la Mỹ (USD).

(\* ) Khoản vay bằng Đô la Mỹ (USD) có số dư nguyên tệ tại 31/12/2023 là 12.445.674,01 USD (tại 31/12/2022 là 12.445.674,01 USD). Tỷ giá quy đổi tại 31/12/2023 theo tỷ giá của Ngân hàng PVCombank là 24.380 đ/USD. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ: 8.649.743.437 đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2022</b>	<b>108.395.120.000</b>	<b>6.817.050.713</b>	<b>(731.995.637.506)</b>	<b>(616.783.466.793)</b>
Lỗi trong năm trước	-	-	(95.218.520.507)	(95.218.520.507)
Tăng vốn trong năm trước (*)	21.604.880.000	-	-	21.604.880.000
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>6.817.050.713</b>	<b>(827.214.158.013)</b>	<b>(690.397.107.300)</b>
Lỗi trong năm nay	-	-	(94.431.338.280)	(94.431.338.280)
Tăng khác (**)	-	-	393.149.030	393.149.030
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>6.817.050.713</b>	<b>(921.252.347.263)</b>	<b>(784.435.296.550)</b>

(\*) Tăng vốn trong năm trước: Công ty thực hiện chuyển đổi khoản vay thành vốn góp theo Biên bản thỏa thuận ngày 02/12/2022 đối với khoản Ông Nguyễn Xuân Dũng với số tiền: 8.257.385.365 đồng và Ông Nguyễn Cảnh Hoàng với số tiền: 13.347.495.235 đồng và được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 09/03/2023 thông qua.

(\*\*) Tăng khác: điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận sai của các năm 2006 đến 2012.

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty Cổ phần SIC	22.279.760.000	22.279.760.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	7.500.000.000	7.500.000.000
Nguyễn Xuân Dũng	26.023.785.000	26.023.785.000
Nguyễn Cảnh Hoàng	20.045.055.000	20.045.055.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	5.627.000.000	5.627.000.000
Công ty TNHH Trường Sơn	4.076.200.000	4.076.200.000
Các cổ đông khác	44.448.200.000	44.448.200.000
<b>Tổng</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Vốn góp đầu năm	130.000.000.000	108.395.120.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	21.604.880.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	130.000.000.000	130.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**d. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>13.000.000</b>	<b>13.000.000</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	15.724.024.441	9.063.779.702
Doanh thu dịch vụ gia công, cho thuê mặt bằng	5.732.994.546	450.363.640
<b>Tổng</b>	<b>21.457.018.987</b>	<b>9.514.143.342</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hàng bán	27.734.920.791	15.998.266.204
Giá vốn dịch vụ	3.951.981.852	11.013.664.109
Khấu hao TSCĐ dừng hoạt động	26.129.200.709	25.062.060.977
<b>Tổng</b>	<b>57.816.103.352</b>	<b>52.073.991.290</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	561.495	72.133
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.733.500	-
<b>Tổng</b>	<b>7.294.995</b>	<b>72.133</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay	42.474.023.821	38.448.355.270
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	8.649.743.437	12.105.766.992
<b>Tổng</b>	<b>51.123.767.258</b>	<b>50.554.122.262</b>

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	1.255.000.000	861.600.000
Chi phí công cụ dụng cụ quản lý	299.831.805	16.797.500
Thuế, phí, lệ phí	70.751.173	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	460.597.017	565.298.381
Chi phí bằng tiền khác	652.349.443	-
<b>Tổng</b>	<b>2.738.529.438</b>	<b>1.443.695.881</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**6.6 Lợi nhuận khác**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>6.046.070.132</b>	<b>366.660.639</b>
Giá trị thu hồi tài sản từ mô	4.389.000.000	-
Tiền điện thu các đơn vị thuê mặt bằng	1.657.070.132	-
Thu nhập khác	-	366.660.639
<b>Chi phí khác</b>	<b>10.263.322.346</b>	<b>1.027.587.188</b>
Giá trị còn lại TSCĐ hỏng	-	998.303.536
Giá trị còn lại các tài sản từ mô	8.382.559.420	-
Tiền điện sản xuất của các đơn vị thuê mặt bằng	1.589.531.324	-
Tiền phạt, chậm nộp	193.076.309	29.283.652
Chi phí khác	98.155.293	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(4.217.252.214)</b>	<b>(660.926.549)</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế {1}</b>	<b>(94.431.338.280)</b>	<b>(95.218.520.507)</b>
<b>Các khoản điều chỉnh thu nhập chịu thuế {2}</b>	<b>72.427.932.015</b>	<b>25.091.344.629</b>
- Tiền phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính và chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	4.586.812.060	29.283.652
- Khấu hao TSCĐ dùng hoạt động	26.129.200.709	25.062.060.977
- Chi phí lãi vay không được trừ theo ND132	41.718.652.746	-
- Cổ tức lợi nhuận được chia từ Công ty Lũng Lô 9	(6.733.500)	-
<b>Thu nhập chịu thuế {1} + {2}</b>	<b>(22.003.406.265)</b>	<b>(70.156.459.530)</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN  
VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM**

Tầng 6 Tòa nhà Việt Á, Số 9 Duy Tân, Phường  
Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>	<b>(94.431.338.280)</b>	<b>(95.218.520.507)</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>(94.431.338.280)</b>	<b>(95.218.520.507)</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.000.000	10.839.512
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>(7.264)</b>	<b>(8.784)</b>

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.158.881.434	29.390.644
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.208.658.526	16.797.500
Chi phí nhân công	641.700.000	861.600.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	37.127.992.890	36.916.954.719
Thuế, phí, lệ phí	70.751.173	368.078.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.726.802.589	565.298.381
Chi phí bằng tiền khác	12.683.577.185	276.098.909
<b>Tổng</b>	<b>81.618.363.797</b>	<b>39.034.219.116</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU  
CHUYỂN TIỀN TỆ**

**7.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm**

Số tiền đi vay phát sinh theo Thuyết minh 5.16 Vay và nợ thuê tài chính: 10.264.643.437 đồng, trong đó số phát sinh do chênh lệch đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ là 8.649.743.437 đồng, số tiền đi vay ngắn hạn thực thu là: 1.614.900.000 đồng (Mã số 33 - Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**8. THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Thông tin về các bên liên quan**

**a) Danh sách các bên liên quan**

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần SIC	Cổ đông sáng lập
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Trường Sơn	Cổ đông lớn
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCombank)	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Cảnh Hoàng	Thành viên HĐQT
Các thành viên chủ chốt của Công ty gồm: Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân là người thân cận của thành viên chủ chốt	Có ảnh hưởng đáng kể

**b) Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:**

<b>1. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>	
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Ông Nguyễn Xuân Liêu	Chủ tịch HĐQT (Thôi nhiệm ngày 09/3/2023)	-	-
Ông Lê Xuân Trung	Chủ tịch HĐQT (Bầu ngày 24/4/2023)	-	-
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	120.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Thanh Ngọc	Thành viên HĐQT (Bầu ngày 09/3/2023)	-	-
Ông Nguyễn Thiện Thông	Thành viên HĐQT (Bầu ngày 09/3/2023)	-	-
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc (Thôi nhiệm ngày 09/3/2023)	132.000.000	132.000.000
Ông Nguyễn Cảnh Hoàng	Thành viên HĐQT	-	-
Bà Lê Cẩm Tú	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
Ông Ngô Văn Tuấn	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-
Ông Nguyễn Xuân Định	Thành viên Ban Kiểm soát	132.000.000	132.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**8.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

<b>2. Mua hàng hóa dịch vụ từ bên liên quan</b>			<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vật liệu mới công nghệ mới VSD	Thành viên HĐQT là Chủ tịch HĐQT của Công ty VSD	Chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất	23.000.000	1.652.386.014
		Chi phí sửa chữa lò vim	318.181.818	
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Tổng Giám đốc	Thuê xe ô tô	120.000.000	-
<b>Tổng</b>			<b>461.181.818</b>	<b>1.652.386.014</b>
<b>3. Bán hàng hóa, dịch vụ cho bên liên quan</b>			<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vật liệu mới công nghệ mới VSD	Thành viên HĐQT là Chủ tịch HĐQT của Công ty VSD	Bán hàng (bột sắt)	2.381.403.949	4.649.919.994
		Thuê kho năm 2023	120.000.000	
<b>Tổng</b>			<b>2.501.403.949</b>	<b>4.649.919.994</b>
<b>4. Giao dịch khác với bên liên quan</b>			<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Pcombank	Cổ đông lớn	Công ty trả nợ gốc vay	80.000.000	-
Ngân hàng Pcombank	Cổ đông lớn	Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại gốc vay ngoại tệ	8.649.743.437	-
Công ty Cổ phần SIC	Cổ đông lớn	Công ty trả nợ gốc vay	-	633.738.000
Ông Nguyễn Cảnh Hoàng	Cổ đông lớn	Công ty trả nợ gốc vay	7.500.000	-
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Tổng Giám đốc	Cho Công ty vay	1.614.900.000	3.654.350.000
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Tổng Giám đốc	Công ty trả nợ gốc vay	1.173.900.000	800.000.000

**c) Số dư với các bên liên quan**

<b>1. Phải thu khách hàng</b>			<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vật liệu mới công nghệ mới VSD	Thành viên HĐQT là Chủ tịch HĐQT của Công ty VSD	Tiền bán hàng	706.044.354	658.559.986
<b>Tổng</b>			<b>706.044.354</b>	<b>658.559.986</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN  
VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM**

Tầng 6 Tòa nhà Việt Á, Số 9 Duy Tân, Phường  
Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**8.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**2. Phải thu khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Tổng Giám đốc	Phải thu tạm ứng	141.539.125	141.539.125
<b>Tổng</b>			<b>141.539.125</b>	<b>141.539.125</b>

**3. Phải trả người bán**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty Cổ phần SIC	Cổ đông lớn	Mua hàng hóa, dịch vụ	13.143.184.526	13.143.184.526
<b>Tổng</b>			<b>13.143.184.526</b>	<b>13.143.184.526</b>

**4. Vay và nợ thuê tài chính**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ngân hàng Pcombank	Cổ đông lớn	Công ty phải trả nợ vay	567.477.501.961	558.906.758.524
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Tổng Giám đốc	Công ty phải trả nợ vay	3.380.804.349	3.539.804.349
Ông Nguyễn Cảnh Hoàng	Cổ đông lớn	Công ty phải trả nợ vay	15.683.393.997	-
Công ty Cổ phần SIC	Cổ đông lớn	Công ty phải trả nợ vay	2.179.034.000	2.179.034.000
<b>Tổng</b>			<b>588.720.734.307</b>	<b>564.625.596.873</b>

**5. Phải trả khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ngân hàng Pcombank	Cổ đông lớn	Lãi vay Công ty còn phải trả	393.885.904.415	352.167.251.670
Ông Nguyễn Cảnh Hoàng	Cổ đông lớn	Lãi vay Công ty còn phải trả	2.156.659	2.156.659
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Tổng Giám đốc	Lãi vay Công ty còn phải trả	790.752.458	774.443.234
<b>Tổng</b>			<b>394.678.813.532</b>	<b>352.943.851.563</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN  
VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM**

Tầng 6 Tòa nhà Việt Á, Số 9 Duy Tân, Phường  
Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**8.2 Thông tin so sánh**


Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K.

Công ty đã thực hiện phân loại lại chỉ tiêu vay và nợ thuê tài chính dài hạn trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 để đảm bảo tính so sánh với số liệu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Chi tiết chỉ tiêu được phân loại lại như sau:


Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán	Mã số	Tại 01/01/2023	Tại 01/01/2023	Chênh lệch
		Số đã trình bày	Số trình bày lại	
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	60.381.159.583	619.287.918.107	558.906.758.524
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	558.906.758.524	-	(558.906.758.524)
<b>Tổng</b>		<b>619.287.918.107</b>	<b>619.287.918.107</b>	<b>-</b>

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ không bị ảnh hưởng bởi việc phân loại lại nêu trên.

Người lập

  
Nguyễn Thị Hồng

Kế toán trưởng

  
Trần Thị Thủy

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Dũng

